TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi và ông Nguyễn Minh Toàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Thúy H**, sinh năm 1980

HKTT: phường e, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh **Phạm Anh N**, sinh năm 1988

Địa chỉ:, khu k, thị trấn T P, huyện Tân Phú, Đồng Nai

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 127, quyển số 01 ngày 15-6-2009 tại UBND phường e, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến tháng 12/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N tự ý bỏ nhà đi không có lý do. Chị H đã thuyết phục anh về chung sống đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không quay về, đồng thời trong suốt gần 04 năm anh N sống không có trách nhiệm chăm lo quan tâm đến vợ con. Chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Anh N.

- Về nuôi con: Chị trình bày chị và anh N có 03 con chung gồm: 1/Phạm Vũ Thúy A, sinh ngày 27/5/2009. 2.Phạm Vũ Anh Q, sinh ngày 08/12/2011.

3/Phạm Vũ Quốc A1, sinh ngày 21/3/2018. Khi ly hôn, Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị trình bày chị và anh N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn cũng như không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H. Về hôn nhân: Cho Chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao 03 con chung Thúy A, Anh Q và Quốc A1 cho Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị H không yêu cầu. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Phạm Anh N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu k, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 08/7/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc Chị H xin ly hôn với anh N. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh N là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị H và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 127, quyển số 01, ngày 15/06/2009 tại Ủy ban nhân dân phường e, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận

kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 03/8/2022, bản tự khai ngày 21/7/2022 thể hiện từ tháng 12/2018 cho đến nay anh N tự ý bỏ nhà đi không có lý do, bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc. Chị H đã khuyên nhủ anh quay trở lại Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng với vợ con nhưng anh khất lần không quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó đến nay thời gian gần 04 năm Chị H và anh N không chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng anh N không đến Tòa án, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, Chị H và anh N đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho Chị H được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung gồm: 1/ Phạm Vũ Thúy A, sinh ngày 27/5/2009. 2/ Phạm Vũ Anh Q, sinh ngày 08/12/2011. 3/ Phạm Vũ Quốc A1, sinh ngày 21/3/2018. Từ lúc anh N bỏ nhà đi tháng 12/2018 cho đến nay thì anh N không phụ giúp với Chị H nuôi dưỡng và chăm sóc các con, 02 năm sau trở lại đây anh không đến thăm nom con thể hiện anh không làm tròn nghĩa vụ trách nhiệm của người cha. Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, chăm lo cho con chu đáo, được đi học đầy đủ và đạt được nhiều danh hiệu cháu ngoan bác hồ. Chị có nhà đất sử dụng ổn định, làm nghề huấn luyện viên với mức thu nhập hàng tháng là 15.000.000đ cùng với thu nhập từ việc cho thuê nhà nên đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó con chung Phạm Vũ Thúy A, Phạm Vũ Anh Q đều có đơn nguyện vọng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Quá trình hòa giải về nuôi con chung thì anh N cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung Thúy A, Anh Q và Quốc A1 cho Chị H được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thúy H.

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Thúy H được ly hôn với anh Phạm Anh N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Vũ Thúy A, sinh ngày 27/5/2009, Phạm Vũ Anh Q, sinh ngày 08/12/2011 và Phạm Vũ Quốc A1, sinh ngày 21/3/2018 cho chị Vũ Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh N và Chị H có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Thúy H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ Chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002630 ngày 08/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho Chị H và anh N biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường e, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh, số 127, quyển số 01 ngày 15/6/2009 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan